

Số: 854/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2026



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 5531/QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5955/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 6033/TB-BNNMT ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xét duyệt quyết toán năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (theo biểu phụ lục đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông, Bà Trưởng các đơn vị, Phòng Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KH-TC (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu VT, KHTC.



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Quyền

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 834/QĐ-TĐHTP HCM ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Tổng thu	124.290	124.290	-	
	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP HCM	114.576	114.576	-	
a	Lệ phí	498	498	-	
b	Học phí	106.888	106.888	-	
c	Khác	6.959	6.959	-	
d	Hoạt động tài chính	229	229	-	
e	Thu khác	2	2	-	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	3.770	3.770	-	3.770
a	Hoạt động dịch vụ đào tạo	3.710	3.710	-	3.710
b	Hoạt động tài chính	60	60	-	60
	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	4.058	4.058	-	4.058
a	Hoạt động dịch vụ đào tạo	4.055	4.055	-	4.055
b	Hoạt động tài chính	3	3	-	3
	Trung tâm tư vấn và dịch vụ tài nguyên và Môi trường	1.886,0052	1.886,0052	-	1.886,0052
a	Hoạt động sản xuất kinh doanh	1.886	1.886	-	1.886
b	Hoạt động tài chính	0,0052	0,0052	-	0,0052
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	92.010	92.010	-	
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	92.010	92.010	-	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			-	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	92.010	92.010	-	
	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP HCM	84.388	84.388	-	
	Chi lương, và các khoản đóng góp khác	41.475	41.475	-	
	Chi chuyên môn	21.830	21.830	-	
	Chi phí khấu hao TSCĐ	7.425	7.425	-	
	Chi hoạt động khác	13.608	13.608	-	
	Chi nộp thuế và các khoản nộp NSNN	50	50	-	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	3.512	3.512	-	3.512
	Chi lương, và các khoản đóng góp khác	1.208	1.208	-	1.208
	Chi chuyên môn	1.462	1.462	-	1.462
	Chi phí khấu hao TSCĐ	52	52	-	52
	Chi hoạt động khác	601	601	-	601
	Chi nộp thuế và các khoản nộp NSNN	189	189	-	189
	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	2.266	2.266	-	2.266
	Chi lương, và các khoản đóng góp khác	831	831	-	831
	Chi chuyên môn	932	932	-	932
	Chi phí khấu hao TSCĐ	11	11	-	11
	Chi hoạt động khác	289	289	-	289



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Chi nộp thuế và các khoản nộp NSNN	203	203	-	203
	Trung tâm tư vấn và dịch vụ tài nguyên và Môi trường	1.844	1.844	-	1.844
	Chi lương, và các khoản đóng góp khác	98	98	-	98
	Chi chuyên môn	1.698	1.698	-	1.698
	Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	-	-
	Chi hoạt động khác	41	41	-	41
	Chi nộp thuế và các khoản nộp NSNN	7	7	-	7
2	Chi quản lý hành chính			-	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	22.475	22.475		
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.475	22.475		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3.786	3.786		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	Nhiệm vụ cấp Bộ	3.090	3.090		
+	Chuyển tiếp	2.700	2.700		
	TNMT.2024.05.01: Nghiên cứu công nghệ mới chuyển hóa rác thải nhựa kết hợp với phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất than hoạt tính	1.435	1.435		
	<i>Kinh phí giao khoán</i>	<i>1.055</i>	<i>1.055</i>		
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>	<i>380</i>	<i>380</i>		
	TNMT.2024.05.02: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn giảm phát thải nhựa đại dương trong nuôi trồng thủy sản trên biển từ hiệu quả sử dụng vật liệu HDPE bền vững	1.265	1.265		
	<i>Kinh phí giao khoán</i>	<i>869</i>	<i>869</i>		
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>	<i>396</i>	<i>396</i>		
+	Mở mới	390	390		
1	TNMT.ĐL.2025.05.03: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thủy văn đồng vị để xác định nguồn gốc một số chất gây ô nhiễm nước mặt	199	199		
	<i>Kinh phí giao khoán</i>	<i>146</i>	<i>146</i>		
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>	<i>53</i>	<i>53</i>		
2	TNMT.ĐL.2025.04.20: Nghiên cứu đề xuất mô hình và giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến thủy sản	191	191		
	<i>Kinh phí giao khoán</i>	<i>96</i>	<i>96</i>		
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>	<i>95</i>	<i>95</i>		
-	Đề tài cấp cơ sở	696	696		
+	Đề tài mở mới	696	696		



ml

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mô phỏng và đánh giá mức độ xâm nhập mặn tại các điểm nguồn cấp nước trên hệ thống sông SG dưới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	348	348		
	<i>Kinh phí giao khoán</i>	<i>314</i>	<i>314</i>		
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>	<i>34</i>	<i>34</i>		
	Nghiên cứu ứng dụng mô hình thủy động lực hai chiều mã nguồn mở mô phỏng chế độ bùn cát đoạn sông Hậu tỉnh An Giang	348	348		
	<i>Kinh phí giao khoán</i>	<i>304</i>	<i>304</i>		
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>	<i>44</i>	<i>44</i>		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	18.168	18.168		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.592	14.592		
	<i>Chi thường xuyên giao tự chủ</i>	<i>14.592</i>	<i>14.592</i>		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.576	3.576		
	<i>Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập</i>	<i>366</i>	<i>366</i>		
	<i>Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73</i>	<i>3.210</i>	<i>3.210</i>		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	521	521		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	521	521		
	<i>Xây dựng một số mô hình quy mô phòng thí nghiệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải và phổ biến, nhân rộng phục vụ công tác bảo vệ môi trường</i>	<i>521</i>	<i>521</i>		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				



ml